FireAnt

CTCP Chứng khoán SSI (HSX: SSI)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	30,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,755
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,297
SL cổ phiếu LH	2,491,097,752
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,783,476
% sở hữu nước ngoài	15.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	75,356
P/E	18.4
EPS	1,648

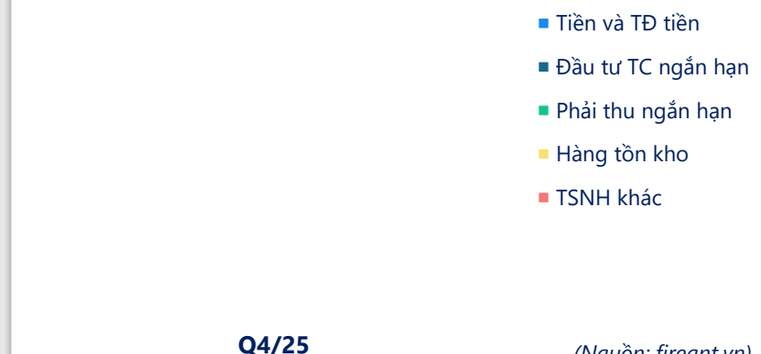
	YTD	1T	3T	6T
SSI	31.2%	1.3%	-18.6%	25.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



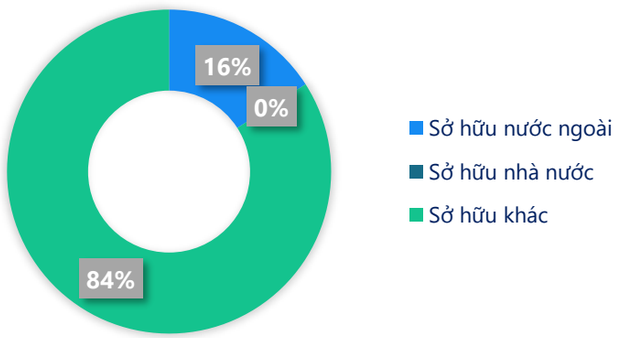
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



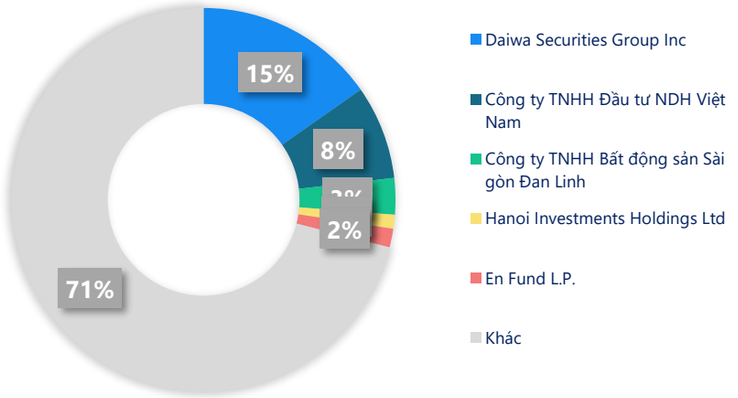
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



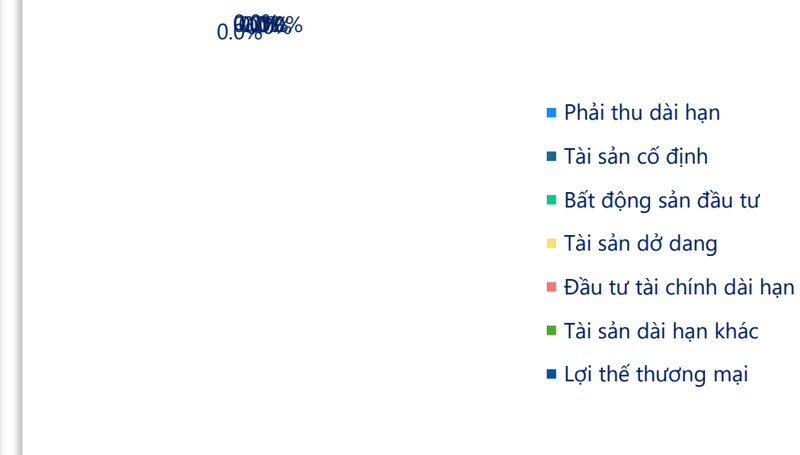
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

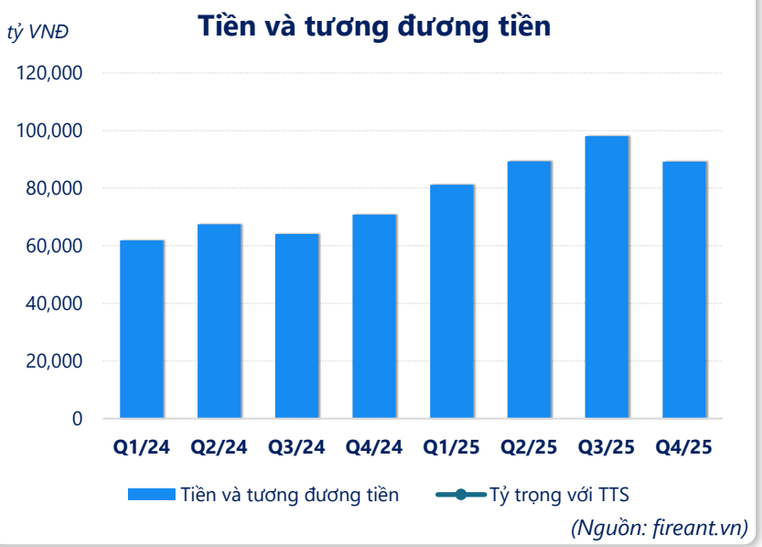


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

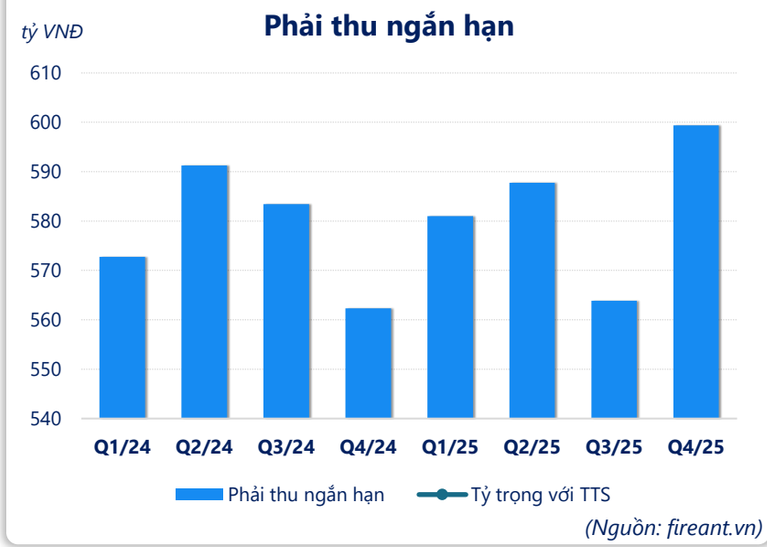
CTCP Chứng khoán SSI (HSX: SSI)

Tiền và tương đương tiền



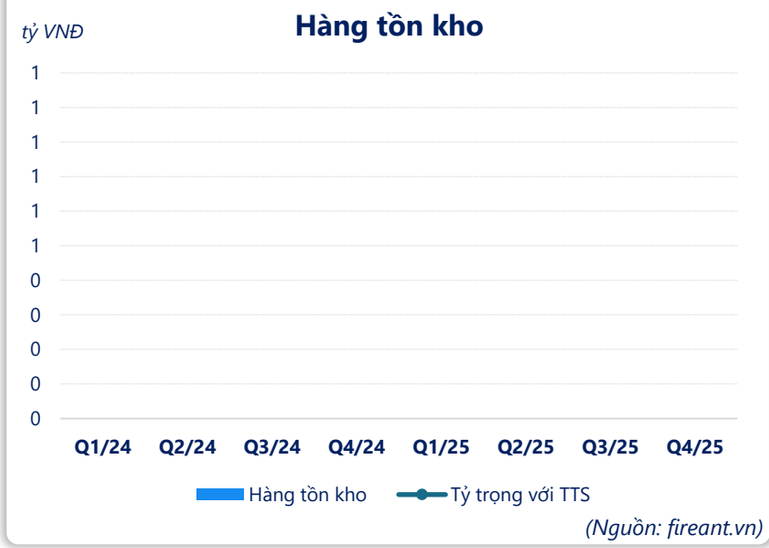
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



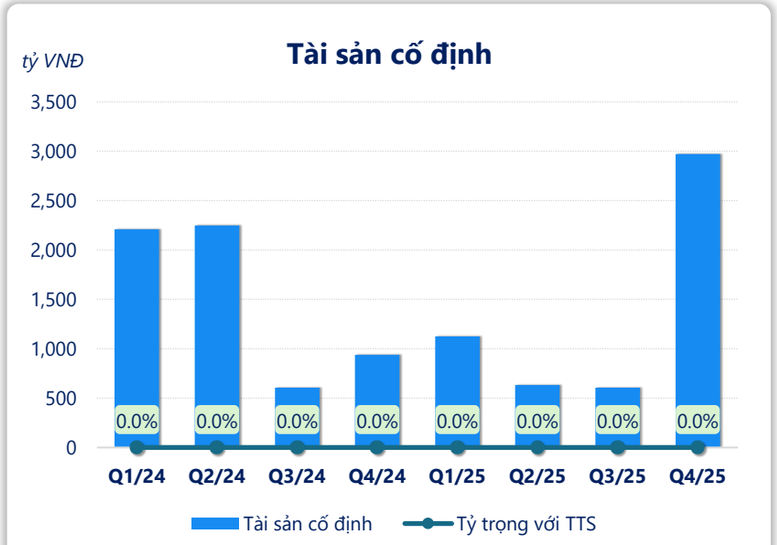
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



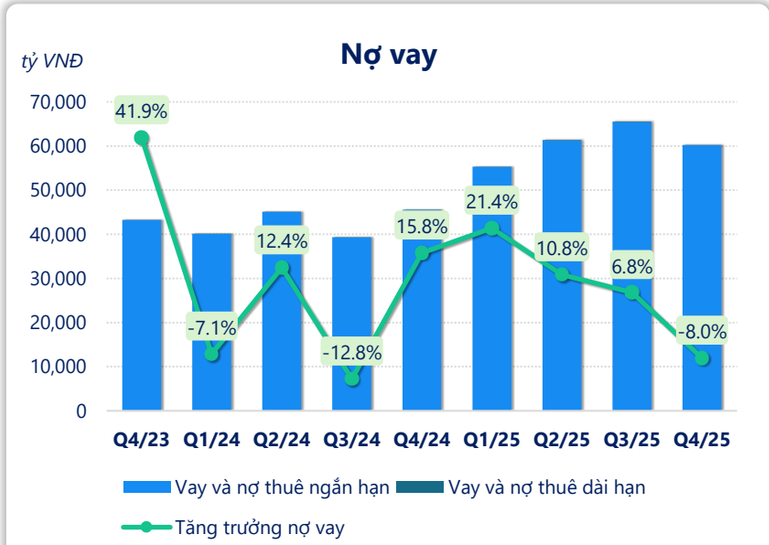
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



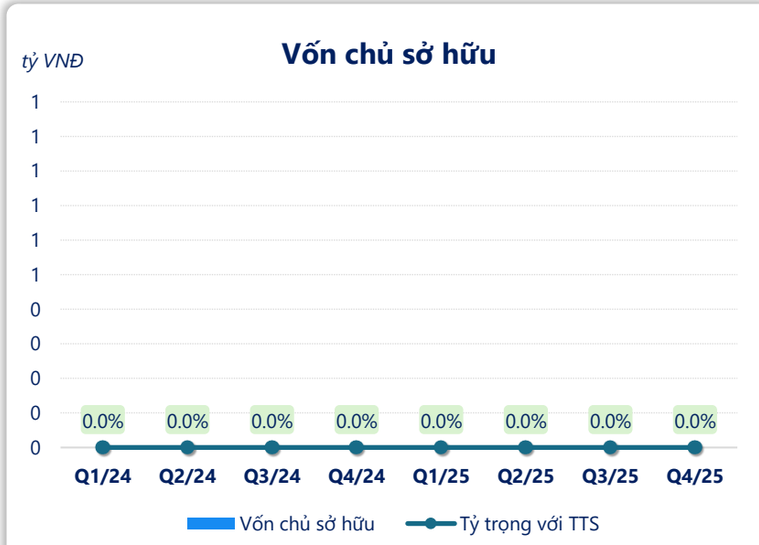
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

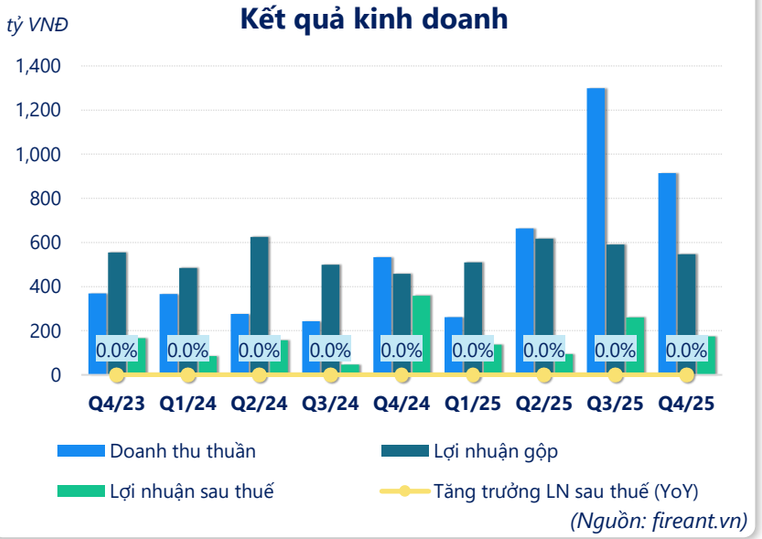
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

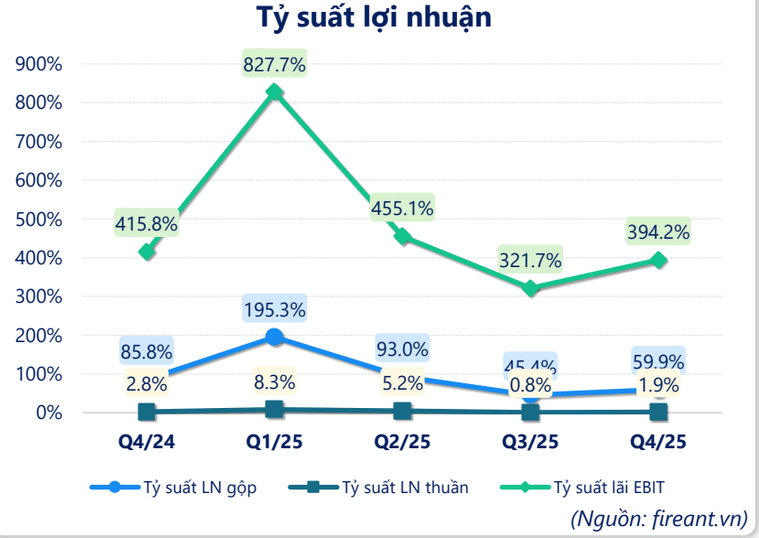
CTCP Chứng khoán SSI (HSX: SSI)

Kết quả kinh doanh



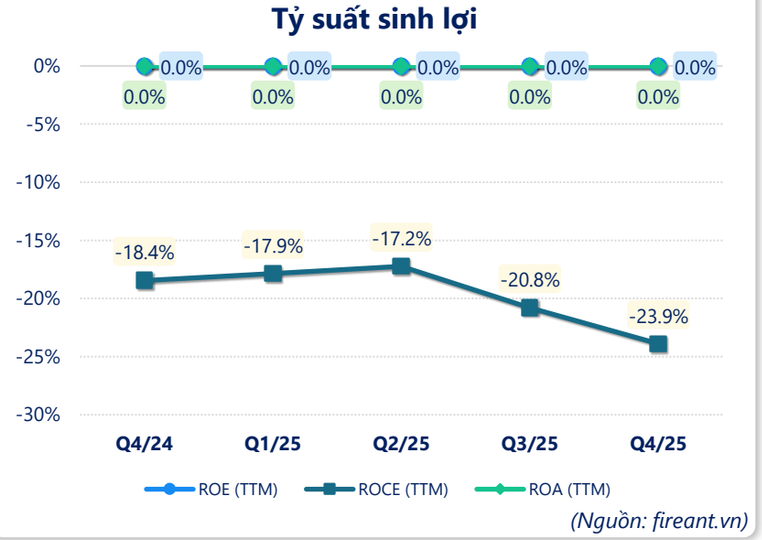
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



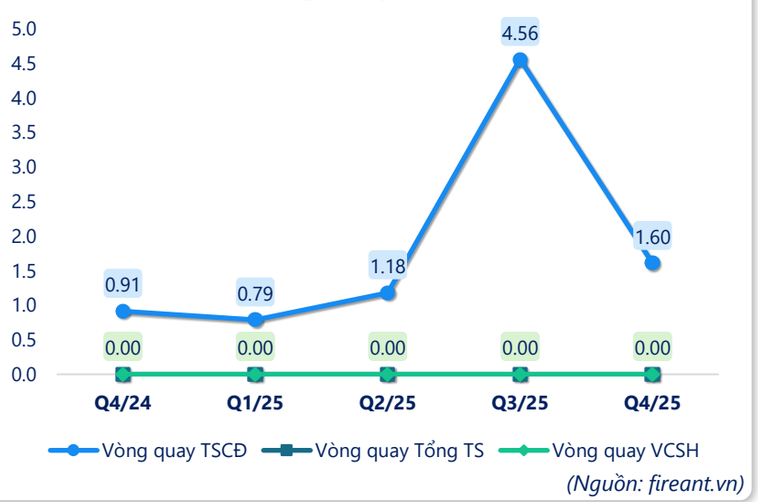
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



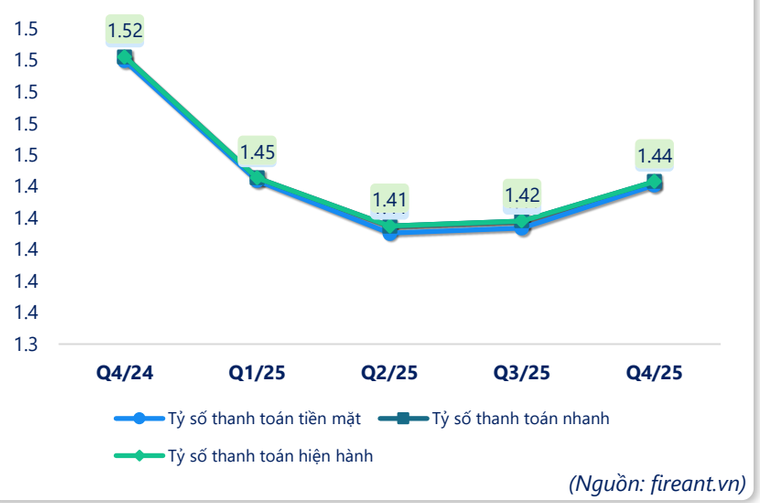
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



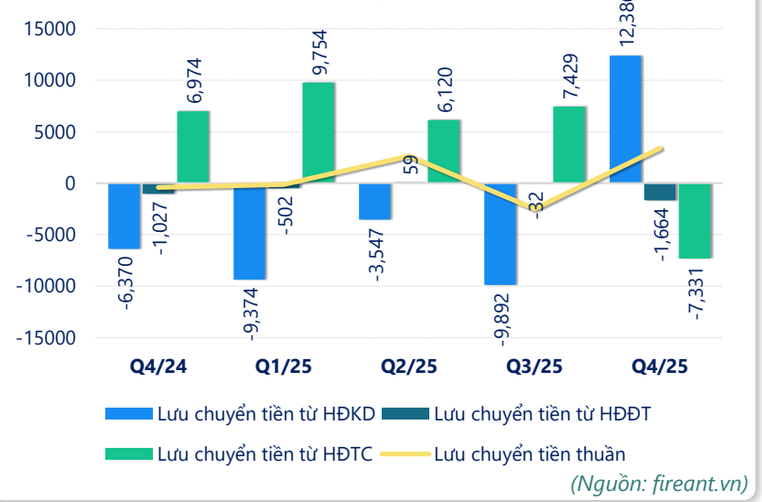
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Chứng khoán SSI (HSX: SSI)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**0**	**0**	
Tài sản ngắn hạn	89,323	70,932	25.9%
Tiền và tương đương tiền	89,192	70,814	26.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,472	30.0	8132%
Phải thu ngắn hạn	599	562	6.6%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**96.8**	**54.9**	**76.5%**
Phải thu dài hạn	0.88	0.77	14.3%
Tài sản cố định	2,972	938	217%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	334	314	6.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	290	200	44.6%
Tài sản dài hạn khác	**29.2**	**31.2**	**-6.3%**
Lợi thế thương mại	15.0	33.3	-55.0%
Nợ phải trả	61,984	46,681	32.8%
Nợ ngắn hạn	**61,902**	**46,599**	**32.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60,161	45,502	32.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	82.0	81.2	1.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	534	261	664	1,299	914
Giá vốn hàng bán	77.4	271	159	177	153
Lợi nhuận gộp	458	510	617	590	547
Doanh thu HĐTC	70.4	85.4	103	98.1	154
Chi phí TC	571	628	830	1,006	1,098
Chi phí lãi vay	-1.92	1.01	28.9	0.73	0.73
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	319	311	484	922	628
Chi phí QLDN	9.65	0.40	1.70	0	4.98
LN thuần từ HĐKD	15.0	21.7	34.6	9.87	17.5
Lợi nhuận khác	159	61.4	52.7	60.6	67.8
LN trước thuế	2,221	2,159	2,993	4,177	3,602
Lợi nhuận sau thuế	358	136	93.8	260	175
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6,370	-9,374	-3,547	-9,892	12,386
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,027	-502	58.5	-32.3	-1,664
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6,974	9,754	6,120	7,429	-7,331
Tiền đầu kỳ	661	239	117	2,749	255
Lưu chuyển tiền thuần	**-422**	**-122**	**2,632**	**-2,494**	**3,392**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	2.17	0.07	0.27	0.58
Tiền cuối kỳ	239	117	2,749	255	3,646

(Nguồn: fireant.vn)